

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CL
TỈNH BT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 210/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29/6/2020

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH BT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Kim Sơn.

2. Ông Đoàn Minh Tư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nhanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL, tỉnh BT tham gia phiên tòa: ông Võ Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 06 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 421/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 05 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn N** - Sinh năm: 1987; địa chỉ: ấp TL, xã T, huyện M, tỉnh BT. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Bà **Lê Thị Kim H** - Sinh năm: 1988; địa chỉ: ấp P, xã H, huyện CL, tỉnh BT. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là ông N trình bày:

Vào tháng 10 năm 2011, ông N với bà H tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M ngày 21/02/2012. Sau khi kết hôn thì ông bà chung sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm thường xuyên cãi nhau, bà H bỏ bê gia đình và đi sáng đêm không về. Ông N và bà H đã ly thân

từ giữa năm 2018 cho đến nay, bà H về nhà cha mẹ ruột tại ấp P, xã H, huyện CL, tỉnh BT để sinh sống.

Nay ông N nhận thấy không còn tình cảm với bà H, nên yêu cầu tòa giải quyết cho ông ly hôn với bà H và không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: trong quá trình chung sống thì ông N, bà H có tạo ra một người con chung tên Nguyễn Phúc Kh, sinh ngày 14/11/2012. Khi ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con, do hiện tại cháu Kh đang sống với ông và nguyện vọng của cháu cũng muốn sống với ông. Ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, dù đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bà H vẫn cố tình vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định tại Điều 203 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: qua lời trình bày của ông N và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, cho thấy cuộc sống hôn nhân của ông N với bà H đã có sự mâu thuẫn trầm trọng, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử xét thấy, do mâu thuẫn gia đình, ông Nguyễn Văn N có đơn yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với bà Lê Thị Kim H, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xác định loại việc tranh chấp là: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Bị đơn là bà Lê Thị Kim H có nơi cư trú tại ấp P, xã H, huyện CL, tỉnh BT theo nội dung xác nhận của Công an xã H, huyện CL, tỉnh BT nên Tòa án nhân dân huyện CL thụ lý vụ án giải quyết là đúng thẩm quyền.

Mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bà H vẫn cố tình vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Xét thấy, ông N, bà H có đủ điều kiện kết hôn, qua tìm hiểu, tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M, tỉnh BT vào ngày 21/02/2012 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét quan hệ hôn nhân của ông N và bà H đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017 đến năm 2018 ông bà đã sống ly thân cho đến nay. Từ đó, hai người không có động thái nào nhằm hàn gắn quan hệ vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho bà H đến Tòa để hòa giải với ông N nhằm tạo điều kiện cho hai bên gặp gỡ trao đổi, động viên nhằm hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng bà H vẫn không có mặt theo thông báo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà nhiều lần. Cho thấy, bà H không có mong muốn hàn gắn cuộc hôn nhân với ông N.

Tại phiên tòa, ông N vẫn kiên quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn, ông xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà H, không thể tiếp tục chung sống với bà H. Đồng thời, theo biên bản xác minh ngày 20/02/2020, lời khai của đương sự cùng tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa ông N và bà H đã có sự mâu thuẫn dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn và đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Vì vậy, ông N yêu cầu ly hôn với bà H là có cơ sở để chấp nhận.

Ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về con chung: Xét thấy, hiện tại người con chung của ông N, bà H là cháu Nguyễn Phúc Kh, sinh ngày 14/11/2012 đang sống chung ông N. Mặc khác, theo biên bản hỏi ý kiến con từ 07 tuổi trở lên thì nguyện vọng của cháu Kh là muốn sống với ông N và tại biên bản xác minh ngày 20/02/2020 cho thấy cháu Kh từ nhỏ đến hiện nay đều sống cùng ông N, được ông N nuôi dưỡng, chăm sóc, chu đáo và lo cho cháu được học hành như bao trẻ khác. Bà H dù đã được tổng đạt hợp lệ thông báo hòa giải của Tòa án nhưng vẫn không đến, cũng không cung cấp cho Tòa án văn bản nào trình bày ý kiến về việc có yêu cầu nuôi con. Do đó, để đảm bảo môi trường sống ổn định của cháu Kh cũng như nguyện vọng của cháu, xét thấy cần thiết giao cho ông N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kh là phù hợp. Ông N không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: ông N không yêu cầu giải quyết gì về tài sản chung và khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ các căn cứ trên, xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với qui định của pháp luật nên chấp nhận.

Về án phí: ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: cho ông Nguyễn Văn N được ly hôn với bà Lê Thị Kim H. Ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Giao cho ông Nguyễn Văn N được quyền trực tiếp nuôi người con chung giữa ông với bà H là cháu Nguyễn Phúc Kh, sinh ngày 14/11/2012 (hiện cháu Kh đang sống với ông N). Ông N không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom con mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, ông N và bà H có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức và phương thức cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp có căn cứ người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con, trên cơ sở lợi ích của con thì người thân thích, Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn N phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Số tiền ông N nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai số 0006971 ngày 18 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh BT được chuyển sang án phí.

- Về quyền kháng cáo: Ông N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bà H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

- Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện CL;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện CL;
- Phòng KTNV - THA TAND tỉnh BT;
- UBND xã T, huyện M;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

LÊ THỊ THÚY HẰNG